

Số: 41/2021/QĐST-HNGĐ

Quỳnh Phụ, ngày 17 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH L HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 288/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 và thông báo thụ lý bổ sung số 288A/2020/TLST-HNHD ngày 16 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị L sinh năm 1989

Nơi ĐKKHKT: Thôn U, xã N, huyện P, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn Minh Đức, xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh T sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn U, xã N, huyện P, tỉnh Thái Bình

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P, khu vực Bắc Thái Bình;

Người đại diện pháp luật: Ông Tiết Văn Thành – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Doãn T - Phó Giám đốc Chi nhánh huyện P

2. Ông Nguyễn Ngọc C sinh năm 1960 và bà Trần Thị N sinh năm 1964

Cùng cư trú tại: Thôn U, xã N, huyện P, tỉnh Thái Bình

3. Ông Vũ Văn M sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn Quỳnh Lang, xã Quỳnh Ngọc, huyện P, tỉnh Thái Bình

4. Ông Nguyễn Xuân K sinh năm 1958

Nơi cư trú: Thôn Hải An, xã N, huyện P, tỉnh Thái Bình

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện L hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình L hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện L hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện L hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình L hôn giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Thanh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ninh Thuận sinh ngày 03/5/2012. Chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh Anh sinh ngày 12/02/2018. Anh T và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Anh Nguyễn Thanh T trả nợ các khoản nợ gồm:

+ Trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh Quỳnh Phụ số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) tiền gốc + lãi tính đến ngày 09/3/2021 là 525.822 đồng và toàn bộ các khoản lãi phát sinh cho đến khi tất toán khoản vay.

+ Trả ông Nguyễn Xuân K tiền cám 15.625.000 đồng (*Mười lăm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

- Chị Lê Thị L trả nợ ông Vũ Văn M tiền cám 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

2.4. Về án phí: Chị Lê Thị L nhận chịu cả 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí L hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị L đã nộp theo biên lai thu số 0004577 ngày 16/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí và trả lại chị L 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Trả lại anh Nguyễn Thanh T số tiền 5.325.000 đồng (*Năm triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) anh T đã nộp tạm ứng

án phí theo biên lai thu số 0004623 ngày 23/11/2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Bình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã N ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Duyên

(Đã ký)